

SỞ Y TẾ TP HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CHƯƠNG MỸ

Số: 2616 /BVCM-KHTH
V/v mời báo giá vật tư - hóa chất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chương Mỹ, ngày 21 tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua vật tư - hóa chất phục vụ công tác khám sức khỏe toàn dân năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ tên: Hoàng Thị Huệ
 - Chức vụ: Nhân viên Tổ thiết bị vật tư hóa chất
 - Số điện thoại: 0354653719
 - Địa chỉ: Tổ Thiết bị vật tư hóa chất - Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ, phố Hòa Sơn, tổ dân phố Bình Sơn, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
 - Email: tovattubvcm@gmail.com
- Hình thức tiếp nhận báo giá: Nhận báo giá trên hệ thống, nhận báo giá trực tiếp (theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 21/9/2026 đến ngày 01/10/2026
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời gian có hiệu lực tối thiểu của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 01/10/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá hạng mục hàng hóa.

- Danh mục hàng hóa (Phụ lục 1 đính kèm)
- Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư hóa chất - Tầng 5 nhà C - Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT+TTB.



Trần Xuân Khuyển

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời bảo giá số 261/BVCM-KHTH ngày 21/9/2026 của Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ)

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật và các yêu cầu khác của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Găng khám	Găng tay cao su y tế có bột. Kích thước: Dài tối thiểu 240mm. Chiều rộng bàn tay: size S (80±10mm), size M (95±10mm)	Đôi	100.000
2	Đè lưỡi gỗ	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, nhẵn bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng tối thiểu bằng khí EO Kích thước tối thiểu: 150mm x 20mm x 2mm	Cái	80.000
3	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần: Ethanol 80%, Isopropanol 7.2%, Chlorhexidine gluconat 0.5%	Lít	200
4	Mô vịt nhựa	Làm bằng nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. - Gồm hai phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa - Độ cứng cao, trơn, nhẵn không gây tổn thương niêm mạc. - Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10.000
5	Pank sát khuẩn	Kẹp bông sản 25cm. Chất liệu thép không gỉ	Chiếc	50
6	Huyết áp điện tử	Có màn hình LCD hiển thị kết quả đo. Phạm vi đo: Khoảng đo huyết áp: Huyết áp tâm thu: 50 đến 250 mmHg Độ chính xác: ± 3mmHg	Bộ	6
7	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 5ml, cỡ kim 25G x 1"; 25G x 5/8"; 23G x 1", đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Piston có khóa bẻ gãy để dễ hủy sau khi sử dụng. Khử trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	20.000
8	Giấy in mã vạch	Giấy in dạng nhãn dán (decal), kích thước tem: 50mm x 25mm. Chiều rộng giấy đảm bảo chứa được 2 hàng tem. Chiều dài giấy tối thiểu 50m. Dùng cho máy in tem nhãn (loại dùng băng mực in)	Cuộn	130
9	Băng mực in mã vạch	Kích thước 110mm x 300m. Mực đen, dùng cho máy in tem mã vạch	Cuộn	60
10	Ống nghiệm EDTA K2 chân không	Chất liệu tối thiểu: Được làm bằng nhựa y tế PET Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/ phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu tím	Cái	45.000
11	Ống nghiệm nước tiểu nhựa có nắp	Ống nghiệm nước tiểu nhựa có nắp, dung tích 10ml	Cái	45.000
12	Ống chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, nhãn màu đen	Cái	45.000
13	Đầu côn xanh	Được làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase.	Cái	45.000
14	Pipet 100 -1000 µl	Pipet có dải hút điều chỉnh được trong dải từ 100 đến 1000 (µL). Có thể hấp tiệt trùng tại 121 độ trong vòng 15 phút	Cái	1
15	Ống eppendorf	Ống Eppendorf 1,5ml, nguyên liệu tối thiểu nhựa PP, trong suốt, có chia vạch.	Cái	45.000
16	Giá để mẫu nước tiểu	Giá nhựa đựng ống nghiệm Ø 16mm	Cái	30
17	Que thử nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocytes, Speccific Gravity. - Trong đó có các chỉ số dưới đây có độ nhạy như sau: Protein: 15-30 mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062 mg/dL hemoglobin Leukocytes: 5-15 white blood cells/hpf Nitrite: 0.06-0.1 mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125 mg/dL glucose Ketone: 5-10 mg/dL acetoacetic acid Bilirubin: 0.4-0.8 mg/dL bilirubin	Test	38.000

HÀNG
BỆNH
ĐA
CHUYÊN

TT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật và các yêu cầu khác của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	- Phương pháp: GOD-PAP - Thành phần chính: R1: Phosphate buffer pH 7.4 100.0 mmol/l Phenol 9.0 mmol/l Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	hộp	20
19	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea UV	- Phương pháp: Kinetic UV Urease-GLDH - Thành phần chính: R1: Goods buffer pH 7.6 130.0 mmol/l ADP 1.2 mmol/l Urease ≥ 8000 U/l GLDH ≥ 1500 U/l R2: Goods buffer pH 10.2 100.0 mmol/l Alpha-ketoglutarate 65.0 mmol/l NADH 1.20 mmol/l Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	hộp	27
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	- Thành phần chính: R1: Litium hydroxide 120.0 mmol/L, Boric Acid 80.0 mmol/L R2: Picric acid 67.0 mmol/L Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	hộp	22
21	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST-GOT	- Phương pháp: Kinetik UV Optimized - Thành phần chính: R1: Goods buffer pH 7.8 80.0 mmol/l L-aspartate 240.0 mmol/l LDH ≥ 1800 U/l MDH ≥ 800 U/l R2: Goods buffer pH 7.8 80.0 mmol/l Alpha-ketoglutarate 65.0 mmol/l NADH ≥ 1.18 mmol/l Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	hộp	27
22	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT-GPT	- Phương pháp: Kinetik UV Optimized - Thành phần chính: R1: Goods buffer pH 7.5 80.0 mmol/l; L-alanine 500.0 mmol/l; LDH ≥ 1500 U/l; R2: Goods buffer pH 7.5 80.0 mmol/l; Alpha-ketoglutarate 65.0 mmol/l; NADH ≥ 1.18 mmol/l Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	hộp	27
23	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hoá mức 2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hóa mức 2 Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	15
24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hoá mức 3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hóa mức 3 Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	15
25	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hoá	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng xét nghiệm sinh hoá Xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	8
26	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần hoạt chất: Natri Clorua, Natri Sulfate, Chất đệm; Chất chống nấm và kháng khuẩn, và chất bảo quản.	hộp	25
27	Hóa chất ly giải 1 dùng cho máy phân tích huyết học	Ly giải các tế bào hồng cầu (RBC), phản ứng với huyết sắc tố (HGB) được giải phóng để đo HGB, số lượng bạch cầu (WBC) và Basophils (BAS). Là chất lỏng trong suốt không có hạt, kết tủa hoặc keo tụ.	hộp	28

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật và các yêu cầu khác của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
28	Hóa chất ly giải 2 dùng cho máy phân tích huyết học	Sử dụng trên máy phân tích huyết học để phá vỡ tế bào hồng cầu và sử dụng với hóa chất ly giải 3 để phân biệt 4 thành phần bạch cầu. Thuốc thử được sử dụng với hóa chất ly giải 3 để hòa tan hồng cầu để thay đổi hình thái của WBC, để kiểm tra kết quả phân loại WBC. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất chống nấm và kháng khuẩn. Là chất lỏng trong suốt không có hạt, kết tủa hoặc keo tụ.	hộp	26
29	Hóa chất ly giải 3 dùng cho máy phân tích huyết học	Sử dụng trên máy phân tích huyết học để phá vỡ tế bào hồng cầu và kết hợp với hóa chất ly giải 2 để phân biệt 4 loại bạch cầu. Nguyên lý: Sử dụng với hóa chất ly giải 2 để hòa tan RBC nhằm thay đổi hình thái của WBC, để kiểm tra kết quả phân loại WBC. Thành phần hoạt chất : Chất hoạt động bề mặt, Chất đệm, Chất chống nấm và kháng khuẩn Là chất lỏng trong suốt không có hạt, cặn và bông.	hộp	29
30	Hóa chất rửa cho máy phân tích huyết học	Vệ sinh, rửa đầu dò và hệ thống ống trong máy phân tích huyết học. Là dung dịch kiềm mạnh giúp làm sạch protein và các phần tử ảnh hưởng đến quá trình đếm tế bào máu Thành phần hoạt chất: Chất hoạt động bề mặt, NaClO, NaOH Là chất lỏng trong suốt màu vàng nhạt không có hạt, cặn và bông.	hộp	8
31	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, Tiêu chuẩn CE cho thiết bị y tế chẩn đoán in vitro (CE-IVDR) Có CFS Nhật Bản (G7)	Can	98
32	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	Dùng làm hoá chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương Đạt ISO 13485, CE.	Can	32
33	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để bạch phân bạch cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm. Đạt ISO 13485, CE.	Can	32
34	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Thành phần: Dung dịch chất hoạt động bề mặt anion; Thành phần độc hại: ethylene glycol monophenyl ether Đạt ISO 13485, CE.	Can	10
35	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Độ pH: 10 đến 13 Thành phần: Natri hypoclorit Đạt ISO 13485, CE.	Hộp	4
36	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích hóa học mức bình thường. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Lọ	4
37	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức cao	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích hóa học mức cao. Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Lọ	4
Tổng cộng: 37 mặt hàng				

Tên công ty:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Email:

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ

Theo thư mời chào giá số 2.01/G../BVCM-KHTH ngày 21. tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT trong Danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa theo Danh mục mời chào giá	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Giá báo giá (đã có VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
...											
Tổng cộng:....khoản											

- Bảng báo giá có hiệu lực 90 ngày kể từ ngày 01/10/2026

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP